

Số: /QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý Sở hữu trí tuệ trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ theo Luật Sở hữu trí tuệ 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Căn cứ theo Luật sở hữu trí tuệ số 19/VBHN-VPQH ngày 18/12/2013;

Căn cứ theo Luật số: 07/2022/QH1: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14;

Căn cứ vào kết luận cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường và Ban soạn thảo “Quy định về quản lý Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Tây Nguyên” ngày tháng 5 năm 2023;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Khoa học & Quan hệ Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy định quản lý Sở hữu trí tuệ của trường Đại học Tây Nguyên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng phòng Khoa học & Quan hệ quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị, viên chức, người học ở Trường Đại học Tây Nguyên, các tổ chức và cá nhân hợp tác với Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- HT, PHT (b/c);
- Lưu: HCTH, KH&QHQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ
TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày...../...../2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định chi tiết về việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), khai thác và quản lý tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN).

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Các tổ chức và cá nhân thuộc trường ĐHTN; các tổ chức và cá nhân hợp tác với trường ĐHTN trong việc tạo ra hoặc khai thác tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của trường ĐHTN.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cá nhân thuộc trường ĐHTN* là các cá nhân đang công tác, học tập, nghiên cứu tại trường ĐHTN.
2. *Tổ chức thuộc trường ĐHTN* là các đơn vị thuộc và trực thuộc trường ĐHTN.
3. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
4. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.
5. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.
6. *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo, hoặc phát hiện và phát triển, hoặc được hưởng quyền sở hữu.
7. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.
8. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.
9. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác.
10. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã

được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng bản sao dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý.

11. *Sao chép* là việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

12. *Tiền bản quyền* là khoản tiền trả cho việc sáng tạo hoặc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả tiền nhuận bút, tiền thù lao.

13. *Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền* là biện pháp sử dụng bất kỳ kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào trong quá trình hoạt động bình thường có chức năng chính nhằm bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi được thực hiện mà không được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

14. *Biện pháp công nghệ hữu hiệu* là biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan kiểm soát việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa thông qua các ứng dụng kiểm soát truy cập, quy trình bảo vệ hoặc cơ chế kiểm soát sao chép.

15. *Thông tin quản lý quyền* là thông tin xác định về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và các điều kiện khai thác, sử dụng; số hiệu, mã số thể hiện các thông tin nêu trên. Thông tin quản lý quyền phải gắn liền với bản sao hoặc xuất hiện đồng thời với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được truyền đến công chúng.

16. *Phát sóng* là việc truyền đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến âm thanh hoặc hình ảnh, âm thanh và hình ảnh, sự tái hiện âm thanh hoặc hình ảnh, sự tái hiện âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, truyền tín hiệu được mã hóa trong trường hợp phương tiện giải mã được tổ chức phát sóng cung cấp tới công chúng hoặc được cung cấp với sự đồng ý của tổ chức phát sóng.

17. *Truyền đạt đến công chúng* là việc truyền đến công chúng tác phẩm; âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn; âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện của âm thanh, hình ảnh được định hình trong bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện nào ngoài phát sóng.

18. *Ấn phẩm* là xuất bản phẩm bao gồm các loại như sách, báo, tạp chí (xuất bản định kì, nhiều kì, không định kì)

19. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

20. *Sáng chế mật* là sáng chế được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định là bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

21. *Giống cây trồng* là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.

22. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để

lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp.

23. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

24. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

25. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

26. *Nhãn hiệu nổi tiếng* là nhãn hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam.

27. *Chỉ dẫn địa lý* là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể.

28. *Chỉ dẫn địa lý đồng âm* là các chỉ dẫn địa lý có cách phát âm hoặc cách viết trùng nhau.”.

29. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ để phân biệt với chủ thể kinh doanh, dịch vụ khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh, dịch vụ. Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bán hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

30. *Bí mật kinh doanh* là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

31. *Hợp đồng license* là hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

32. *Bộ phận quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ (BPQLSHTT)* là các cá nhân được trường ĐHTN ra quyết định thành lập, chịu trách nhiệm quản lý về SHTT của Nhà trường.

Chương II

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 4. Đối tượng quyền SHTT của trường ĐHTN

1. Đối tượng quyền tác giả bao gồm ấn phẩm, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.

2. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, logo, nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.

3. Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là giống cây trồng và vật liệu nhân giống, giống vi sinh vật.

Điều 5. Chủ sở hữu quyền SHTT

1. Trường ĐHTN là chủ sở hữu các quyền SHTT của tài sản trí tuệ do đơn vị, cá nhân thuộc trường ĐHTN tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- Sử dụng ngân sách của Trường ĐHTN.
- Trường ĐHTN giao nhiệm vụ thực hiện.
- Trường ĐHTN ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.

2. Trường ĐHTN là chủ sở hữu các quyền SHTT của tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình làm việc theo hợp đồng làm việc với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng trừ trường hợp có các thỏa thuận khác.

3. Các sản phẩm trí tuệ của Trường thống nhất quản lý bao gồm:

- a) Tên Trường, biểu trưng (logo), nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ của Trường.
- b) Tác phẩm nghệ thuật và khoa học do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.
 - Tác phẩm khoa học, tạp chí khoa học, sách giáo trình, bài giảng, bài báo được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác.
 - Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học.
 - Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.
 - c) Tác phẩm phái sinh nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.
 - d) Các giống cây trồng.
 - e) Dự án khởi nghiệp; Kết quả các công trình khoa học, tiến bộ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận cho phép ứng dụng tại các địa bàn sản xuất.
 - f) Các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá sản xuất, sáng chế.
 - g) Quy trình công nghệ; các bí mật kinh doanh.
 - h) Linh phụ kiện mới, các máy móc, thiết bị mới chế tạo.
 - i) Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, giấy chứng nhận bản quyền tác giả.
 - j) Các sản phẩm liên kết với các đơn vị, cá nhân ngoài Trường (có văn bản thỏa thuận riêng cho từng loại sản phẩm và đóng góp của mỗi bên).

4. Trường ĐHTN là đồng chủ sở hữu Quyền SHTT với cá nhân, tổ chức khác trong trường hợp có thỏa thuận cụ thể.

Điều 6. Nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ và tên sản phẩm của trường ĐHTN

Nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ bắt buộc phải có các thành phần:

- a) Logo của Trường: phải thiết kế đúng chuẩn Logo về các đường viền, màu sắc và nội dung dòng chữ và số trên logo.
- b) Phần nội dung nhãn hiệu:
 - Tên viết tắt tiếng Anh của trường ĐHTN/dấu cách/tên sản phẩm hoặc dịch vụ.

- Hình họa hoặc ký hiệu cho loại sản phẩm.
- Tên viết tắt đơn vị tạo ra sản phẩm.
- Màu nền, màu chữ, kiểu chữ tùy tác giả sản phẩm chọn.

Chương III

CÁC QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 7. Tác giả, đồng tác giả

1. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm. Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả.

2. Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả.

3. Việc thực hiện quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm có đồng tác giả phải có sự thỏa thuận của các đồng tác giả, trừ trường hợp tác phẩm có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác hoặc luật khác có quy định khác.

Điều 8. Quyền nhân thân

Quyền nhân thân bao gồm:

1. Đặt tên cho tác phẩm.

Tác giả có quyền chuyển quyền sử dụng quyền đặt tên tác phẩm cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao quyền tài sản;

2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Điều 9. Quyền tài sản

1. Quyền tài sản bao gồm:

a) Làm tác phẩm phái sinh;

b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm;

c) Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

d) Phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

đ) Phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp tác phẩm đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn;

e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính, trừ trường hợp chương trình máy tính đó không phải là đối tượng chính của việc cho thuê.

2. Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện theo quy định của Luật SHTT.

3. Chủ sở hữu quyền tác giả không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hành vi sau đây:

a) Sao chép tác phẩm chỉ để thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật này; sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp tác phẩm, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại;

b) Phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối.

Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu quyền tác giả

1. Các quyền quy định tại khoản 2 Điều này do tác giả, Nhà trường độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật SHTT.

2. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản, hoặc công bố sản phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

3. Sản xuất hoặc nhân giống; chế biến nhằm mục đích nhân giống; chào hàng; bán hoặc thực hiện các hoạt động tiếp cận thị trường khác; xuất khẩu; nhập khẩu; lưu giữ giống.

4. Sử dụng, cho phép người khác sử dụng hoặc ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật SHTT.

5. Định đoạt đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật SHTT.

Điều 11. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả

1. Khi chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả, Nhà trường và tác giả cùng thương thảo với bên nhận chuyển nhượng nội dung, phương pháp, phạm vi và giá cả.

Tác giả sản phẩm không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được Nhà trường đồng ý bằng văn bản hoặc không có đại diện Nhà trường thương thảo với bên nhận chuyển nhượng.

2. Chuyển nhượng quyền tác giả/quyền sáng chế là việc Nhà trường chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền công bố tác phẩm, các quyền tài sản tại Điều 8 quy định này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Khi việc chuyển nhượng được tiến hành thành công, Nhà trường không còn quyền đối với sản phẩm trí tuệ đã chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng trở thành chủ sở hữu đối với sản phẩm đó.

3. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả không độc quyền là việc Nhà trường cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn và trong phạm vi nhất định một, một số hoặc toàn bộ các quyền tác giả, quyền tài sản.

4. Tác giả không được chuyển quyền sử dụng các quyền nhân thân, trừ quyền công bố tác phẩm.

5. Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả được lập thành văn bản gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên.
- b) Căn cứ chuyển nhượng.
- c) Phạm vi chuyển quyền.
- d) Giá, phương thức thanh toán.
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- g) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng được áp dụng theo quy định của Bộ Luật dân sự.

6. Giá chuyển nhượng phải tính đủ các yếu tố

- Chi phí đầu tư cho việc nghiên cứu trước.
- Chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực của bảo hộ SHTT.
- Chi phí quản lý nghiên cứu.
- Chi phí nộp thuế nhà nước.

Lợi nhuận (phân chia theo Điều 13 của quy định này).

Chương IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SẢN PHẨM TRÍ TUỆ

Điều 12. Khai thác và sử dụng sản phẩm trí tuệ của Trường Đại học Tây Nguyên

Trường ĐHTN cùng với tác giả tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ. Trường phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ.

Điều 13. Phân chia lợi nhuận sản phẩm trí tuệ của Trường Đại học Tây Nguyên

Tùy từng loại sản phẩm trí tuệ khi được thương mại hóa, sau khi trừ những chi phí cần thiết, hợp lệ được phân bổ như sau:

1. Sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí của của Nhà trường, sau khi được nghiệm thu và được bán:

- 50% cho tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án (bao gồm người môi giới).
- 50% nộp về nhà Trường thông qua phòng Kế hoạch Tài chính.

2. Các sản phẩm đề tài khoa học công nghệ khác có khả năng ứng dụng vào sản xuất tại các địa phương, doanh nghiệp (được thực hiện dưới hình thức chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật):

- 50% cho tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án (bao gồm người môi giới).
- 50% nộp về nhà Trường thông qua phòng Kế hoạch Tài chính.

3. Các sản phẩm trí tuệ thuộc nhóm đối tượng sở hữu công nghiệp như Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bản quyền tác giả, Nhân hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp, Bảo hộ giống cây trồng:

a) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng dưới 100 triệu đồng:

- 85% cho tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án (bao gồm người môi giới).
- 15% nộp về nhà Trường thông qua phòng Kế hoạch Tài chính.

b) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng:

- 75% cho tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án (bao gồm người môi giới).
- 25% nộp về nhà Trường thông qua phòng Kế hoạch Tài chính.

c) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng trên 1 tỷ đồng:

- 65% cho tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án (bao gồm người môi giới).
- 35% nộp về nhà Trường thông qua phòng Kế hoạch Tài chính.

4. Các trường hợp phát sinh ngoài quy định của Điều này sẽ tùy theo thỏa thuận giữa các bên.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Điều 14. Trách nhiệm quản lý sản phẩm sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Tây Nguyên

Nhà trường, tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền SHTT của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật SHTT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1. Căn cứ nhu cầu và điều kiện phát triển hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, Hiệu trưởng Trường ĐHTN ra quyết định thành lập bộ phận quản lý sở hữu trí tuệ do phòng KH&QHQT làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các chức năng nhiệm vụ như sau:

- a) Tham mưu cho Lãnh đạo trường tổ chức xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động SHTT;
- b) Đề xuất xây dựng, sửa đổi, ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về SHTT phù hợp với sự phát triển của trường trong từng giai đoạn của Trường;
- c) Thực hiện các văn bản pháp luật về SHTT của Nhà nước;
- d) Tổ chức giáo dục, tuyên truyền, đào tạo, phổ biến kiến thức và pháp luật về SHTT;
- e) Tổ chức việc ghi nhận, khai báo, quản lý Tài sản trí tuệ (TSTT);
- f) Tổ chức, thực hiện thủ tục xác lập quyền SHTT;
- g) Đăng ký và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký

quyền tác giả, Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, Bằng bảo hộ giống cây trồng của Trường;

h) Tổ chức khai thác thương mại TSTT; Xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng license các sản phẩm trí tuệ;

i) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về SHTT; đề xuất mức độ và hình thức khen thưởng hoặc xử lý vi phạm;

j) Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về SHTT theo định kỳ hàng năm và 05 năm tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý về hoạt động SHTT để xây dựng định hướng, chiến lược phát triển trong 05 năm tiếp theo;

k) Hợp tác quốc tế về SHTT.

2. Trách nhiệm quản lý SHTT của các đơn vị thuộc và trực thuộc

a) Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng nghiên cứu sáng tạo ra sản phẩm trí tuệ;

b) Triển khai thực hiện các văn bản quản lý về SHTT của Nhà nước và của Trường. Báo cáo Ban Giám hiệu kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ của Trường thông qua phòng KH&QHQT.

c) Kiểm tra, đôn đốc tác giả có sản phẩm trí tuệ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với Trường.

3. Trách nhiệm của tác giả có sản phẩm trí tuệ

a) Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về SHTT của Nhà nước và của Nhà trường, các cam kết, thoả thuận với Trường ĐHTN.

b) Tham gia cùng với Trường ĐHTN xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng license sản phẩm trí tuệ.

c) Yêu cầu Nhà trường xử lý và giải quyết các xung đột về quyền lợi, quyền tác giả.

Điều 15. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ

Khi tác giả có tác phẩm cần làm các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định Luật SHTT và các quy định khác của pháp luật liên quan thì Nhà trường hỗ trợ toàn bộ kinh phí theo quy định để tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu Trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quy trình và thủ tục đăng ký chứng nhận sở hữu trí tuệ:

1. Tác giả khai đơn theo các mẫu quy định (kèm trong phụ lục của Luật SHTT);

2. Nộp đơn và lệ phí tại BPQLSHTT, trực thuộc phòng KH&QHQT;

3. BPQLSHTT nộp đơn và lệ phí tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Cục Bản quyền tác giả;

4. Nếu đơn phải sửa chữa, BPQLSHTT liên hệ với tác giả để sửa chữa trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có công văn yêu cầu sửa chữa của Cục Sở hữu Trí tuệ hoặc Cục Bản quyền tác giả;

5. Khi có thông báo kết quả xét duyệt đơn (công nhận hoặc không), BPQLSHTT gửi ngay thông báo cho tác giả;

6. Khi có Bằng chứng nhận, BPQLSHTT lưu bản sao, gửi tác giả bản chính.

Điều 16. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Tây Nguyên

1. Trường ĐHTN và tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để bảo vệ quyền SHTT của mình theo quy định của Luật SHTT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường ĐHTN và tác giả bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT hoặc phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật SHTT này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định về quản lý quyền SHTT được khen thưởng theo quy định của Nhà trường và của cơ quan, đơn vị, tổ chức khác.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy định này gồm 7 chương 20 điều, mọi hành vi sao chép, sửa đổi phải được sự cho phép của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành. Các quy định trước đây trái với quy định tại quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có yêu cầu phát sinh, Phòng KH&QHQT có trách nhiệm trình và chỉnh sửa khi được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Lãnh đạo Trường, Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.

HIỆU TRƯỞNG

